

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2022
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lắm;
2. Bà Phạm Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị M, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Lê Văn H, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: ấp S, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Chị M, anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Chị Trần Thị M và anh Lê Văn H được mai mối và tự nguyện cưới nhau vào năm 1989. Anh chị sống chung với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Lý do của việc không đăng ký kết hôn là vì trước đó không biết, sau này UBND xã có tổ chức đăng ký kết hôn cho người dân anh H, chị M có đăng ký nhưng không nhận giấy. Khi chị M xin ly hôn đã đến UBND xã T1 và N trích lục kết hôn nhưng chị M và anh H không có tên trong sổ đăng ký kết hôn của UBND xã. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn và không còn hạnh phúc nữa.

Nguyên nhân do chị M bất đồng với người em dâu của anh H, anh H đánh đuổi mẹ con chị M đi. Sau đó, anh H có đến đón về nhưng chị không về. Khi xảy ra mâu thuẫn cả hai đã tìm cách tháo gỡ; gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa và tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị M, anh H ly thân 07 năm nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, không ai biết đến ai, khả năng hàn gắn không còn. Nay, chị M xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với anh H.

Về con chung: anh chị có 01 con chung Lê Thị Hồng L, sinh ngày 16/7/1990. Hiện nay, Hồng L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị M bận công việc với do dịch bệnh phức tạp, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không khiếu nại về sau.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Những lời trình bày của chị M trên đây là đúng. Đối với yêu cầu của chị M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, anh H đồng ý.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Lê Thị Hồng L, sinh ngày 16/7/1990. Hiện nay, Hồng L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không khiếu nại về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 22/02/2022, chị Trần Thị M khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lê Văn H. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị M và bị đơn anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh H là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị M:*

Chị M, anh H tự nguyện cưới nhau vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do chị M bất đồng với người em dâu của anh H, anh H đánh đuổi mẹ con chị M đi. Sau đó, anh H có đến đón về nhưng chị không về. Khi xảy ra mâu thuẫn cả hai đã tìm cách tháo gỡ; gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa và tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị M, anh H ly thân 07 năm nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, không ai biết đến ai, khả năng hàn gắn không còn. Nay, chị M xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh H. Đối với yêu cầu này của chị M, anh H đồng ý. Xét thấy, anh H, chị M sống với nhau như vợ chồng phải đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh H, chị M chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay, đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống của anh chị xảy ra mâu thuẫn không thể tháo gỡ và có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Yêu cầu của chị M là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung*: anh H, chị M có 01 con chung là Lê Thị Hồng L, sinh ngày 16/7/1990. Hiện nay, Hồng L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị M, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lê Văn H.

Tuyên bố: không công nhận chị Trần Thị M và anh Lê Văn H là quan hệ vợ chồng.

* Về nuôi con chung: anh Lê Văn H với chị Trần Thị M có 01 (một) con chung là Lê Thị Hồng L, sinh ngày 16/7/1990. Hiện nay, Lê Thị Hồng L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về chia tài sản chung và nợ chung: chị M, anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: chị Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004966 ngày 23/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Thanh Chánh Võ Văn Hùng

Lê Thị Minh Trung

